

1. Look, read and write the letters.

(Nhìn tranh, đọc và ghi đáp án đúng vào ô trống theo mẫu)

1. 	2. 	3. 
a. teacher b. doctor a c. fireman	a. housewife b. pupil c. pilot	a. pupil b. housewife c. doctor
4. 	5. 	6. 
a. doctor b. pilot c. fireman	a. farmer b. pilot c. policeman	a. pupil b. doctor c. Fireman

2. Look and write "She" or "He".

(Nhìn tranh và điền "She" hoặc "He" vào chỗ trống theo mẫu)

	
a. <u>She</u> is a teacher.	b. _____ is a doctor.
	
c. _____ is a fireman.	d. _____ is a housewife.
	
e. _____ is a pilot.	f. _____ is a pupil.

3. Unscramble the words.

(Sắp xếp các chữ cái để tạo thành một từ có nghĩa)



armfre -> farmer



sehuowfei ->



toodcr ->

4. Rearrange the following words.

(Sắp xếp lại trật tự từ để tạo thành một câu có nghĩa)

a. She/ a/ pupil/ ./ is

→ She is a pupil.



b. He/ a/ is/ ./ farmer

→



c. a/ He/ is/ ./ policeman

→



d. teacher/ She/ is/ ./ a

→



e. a/ He/ is/ ./ doctor

→



f. is/ He/ a/ ./ fireman

→



g. He/ is/ pilot/ ./ a

→



5. Look and answer the question.

(Nhìn tranh và trả lời câu hỏi theo mẫu)

a. What does she do?

She is a teacher



b. What does he do?



c. What does she do?



d. What does he do?



e. What does she do?



6. Look, read and complete the sentences.

(Nhìn tranh, đọc câu hỏi và điền câu trả lời theo mẫu)



a. Is she a housewife?

→ Yes, she is.



b. Is he a doctor?

→ No, he isn't.



c. Is he a policeman?

→



d. Is he a farmer?

→



g. Is he a farmer?

→

e. Is he a pilot?

→



h. Is she a pupil?

→

f. Is she a teacher?

→